

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2023

Về việc: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Phan Thu Hiền

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đỗ Văn Thanh

2. Bà Phan Thị Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ:*** Bà Hoàng Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXX-ST ngày 17/02/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST – HNGĐ ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mỹ H, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã T2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ H trình bày:

Bà H xây dựng gia đình với ông Nguyễn Hữu T vào năm 2020, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/01/2020.

Sau khi đăng ký kết hôn thì bà H và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên không tổ chức đám cưới và cũng không chung sống với nhau. Từ ngày bà H sinh con đến nay ông T không quan tâm thăm hỏi vợ con, không cấp dưỡng nuôi con.

Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Nguyễn Đăng Quỳnh L, sinh ngày 15/7/2020. Hiện nay cháu L đang sống với bà H. Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu T:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên ông T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Hữu T.

Về án phí: Bà H phải đóng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Tranh chấp ly hôn và nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

Ông Nguyễn Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã có đủ cơ sở để xác định: Bà Đặng Thị

Mỹ H và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/2020 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà H, ông T: Bà H xác định sau khi đăng ký kết hôn thì bà H và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên không tổ chức đám cưới và cũng không chung sống với nhau. Từ ngày bà H sinh con đến nay ông T không quan tâm thăm hỏi vợ con, không cấp dưỡng nuôi con nên bà nhận thấy vợ chồng hoàn toàn không hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng ông T vắng mặt không có lý do và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H đối với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Đăng Quỳnh L, sinh ngày 15/7/2020. Hiện nay cháu L đang sống với bà H. Bà H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng nuôi con của H thấy: Bà H xác định bà là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L từ khi cháu L được sinh ra đến nay, ông T hoàn toàn không đến thăm hỏi hay gửi tiền cấp dưỡng để phụ bà H nuôi con. Do đó, để đảm bảo cháu L có được sự chăm sóc tốt, ổn định về nơi ở, việc học tập và sinh hoạt hàng ngày để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần thì cần thiết giao cháu L cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp điều kiện thực tế và quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Mỹ H đối với ông Nguyễn Hữu T về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Hữu T giao cháu Nguyễn Đăng Quỳnh L, sinh ngày 15/7/2020 cho bà Đặng Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị Mỹ H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006480 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành tiền án phí. Bà Đặng Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã A, H. L, T. Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thu Hiền

